| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ BẾN TRE**<br>**TỈNH BẾN TRE** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 20/2019/DS-ST.
Ngày: 31-5-2019.
V/v "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Phạm Thị Xuân Thi

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Trần Văn Hưng.

2. Ông Lê Minh Thiện.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Hồ Thị Yến Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Ngày 31 tháng 5 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 247/2018/TLST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2018 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2019/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Hồng T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: khu phố A, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Nhật Long H, sinh năm 1978. Địa chỉ: phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

*2. Bị đơn:* Ông Lâm Thiên T, sinh năm 1984.
Bà Võ Thùy Tr, sinh năm 1992.

Cùng địa chỉ: khu phố A, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.
Ông H có mặt; Ông T, bà Tr vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23/11/2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Nhật Long H trình bày: Bà Trần Thị Hồng T có cho vợ chồng ông Lâm Thiên T và bà Võ Thùy Tr vay số tiền 35.000.000 đồng. Hai bên có làm giấy vay tiền ngày 27/10/2016. Thời hạn vay là 03 tháng (từ ngày 27/10/2016 đến ngày 27/01/2017), lãi suất là 1,5%/tháng, tiền lãi trả hàng tháng và tới hạn sẽ thanh toán đủ vốn. Mục đích vay nhằm lo kinh tế gia đình.

Sau khi vay, vợ chồng ông T, bà Tr có đóng được 02 tháng tiền lãi là 1.050.000 đồng và trả được 5.000.000 đồng tiền vốn. Sau đó ông T, bà Tr không đóng lãi và đến hạn cũng không thanh toán. Bà T nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông T, bà Tr thanh toán nhưng ông bà chỉ hứa nhưng không thực hiện. Nay bà Trần Thị Hồng T khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre để yêu cầu ông Lâm Thiên T và bà Võ Thùy Tr có trách nhiệm trả cho bà T số tiền vốn là 30.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi đối với số tiền này.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa để triệu tập ông ông Lâm Thiên T và bà Võ Thùy Tr tới Tòa án để lấy lời khai, tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử nhưng ông Lâm Thiên T và bà Võ Thùy Tr không đến, do đó Tòa án không thể lấy lời khai của ông Lâm Thiên T và bà Võ Thùy Tr cũng như không tiến hành hòa giải giữa nguyên đơn và bị đơn được.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Giữa bà Trần Thị Hồng T và ông Lâm Thiên T, bà Võ Thùy Tr có thỏa thuận cho vay tài sản và có lập thành văn bản, sau đó phát sinh tranh chấp, do ông Lâm Thiên T, bà Võ Thùy Tr cùng cư trú trên địa bàn thành phố Bến Tre nên Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre thụ lý giải quyết vụ kiện về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" nêu trên là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Lâm Thiên T, bà Võ Thùy Tr đã được tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Lâm Thiên T, bà Võ Thùy Tr.

[2] Về nội dung: Bà T khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản, chứng cứ cho yêu cầu khởi kiện này là "*Giấy vay tiền*" được lập ngày 27/10/2016 có chữ ký của ông Lâm Thiên T, dấu lăn tay của bà Võ Thùy Tr và bà Tr, ông T còn giao bản chính Giấy chứng minh nhân dân, bản sao Giấy chứng nhận kết hôn của mình cho bà T giữ để làm tin.

Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận vay tiền do các bên tự nguyện, được lập thành văn bản, các bên có ký tên và điểm chỉ xác nhận số tiền vốn gốc là 35.000.000 đồng và lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn vay 03 tháng nên "*Giấy vay tiền*" được lập ngày 27/10/2016 có giá trị pháp lý, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Sau khi vay tiền, bà Tr và ông T đã nhận đủ tiền nhưng không thực hiện đúng thỏa thuận về thời hạn vay được quy định trong hợp đồng, hết thời hạn 03 tháng nhưng bà Tr, ông T không thực hiện việc trả lại tài sản vay cho bà T nên việc bà T khởi kiện để yêu cầu trả lại số tiền 30.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bà Tr ông T là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 7, thành phố Bến Tre vào ngày 26/6/2013 và bà Tr, ông T cùng thực hiện việc vay tiền của bà T theo "*Giấy vay tiền*" được lập ngày 27/10/2016 nên căn cứ vào Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, bà Tr và ông T phải chịu trách nhiệm liên đới trả cho bà T số tiền 30.000.000 đồng.

[3] Về yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính tính lãi của số tiền 30.000.000 đồng. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu tính lãi số tiền 30.000.000 đồng.

[4] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bị đơn phải nộp là: 30.000.000 đồng x 5% = 1.500.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Điều 149, 463, Điều 466, khoản 2 Điều 357, Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015.

- Điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147, Điều 149, Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Hồng T. Buộc ông Lâm Thiên T và bà Võ Thùy Tr có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Thị Hồng T số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Hồng T đối với yêu cầu tính lãi của số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: ông Lâm Thiên T và bà Võ Thùy Tr phải có trách nhiệm liên đới nộp là 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng.

Bà Trần Thị Hồng T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp tổng cộng là 947.000 (Chín trăm bốn mươi bảy nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0021794 ngày 19/12/2018 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND TP Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Phạm Thị Xuân Thi**